

Số: 1283/QĐ-BNN-TS

Hà Nội, ngày 08 tháng 5 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

VỀ VIỆC CÔNG BỐ THỦ TỤC HÀNH CHÍNH ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG LĨNH VỰC THUỶ SẢN THUỘC PHẠM VI CHỨC NĂNG QUẢN LÝ CỦA BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN

BỘ TRƯỞNG BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN

Căn cứ Nghị định số [105/2022/NĐ-CP](#) ngày 22/12/2022 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;

Căn cứ Nghị định số [63/2010/NĐ-CP](#) ngày 08 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính và Nghị định số [48/2013/NĐ-CP](#) ngày 14 tháng 5 năm 2013 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số [92/2017/NĐ-CP](#) ngày 07 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số [02/2017/TT-VPCP](#) ngày 31/10/2017 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn về nghiệp vụ kiểm soát thủ tục hành chính;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Thủy sản.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung lĩnh vực thủy sản thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (có danh mục cụ thể kèm theo).

Các thủ tục hành chính công bố tại Quyết định này được ban hành tại Thông tư số [06/2024/TT-BNNPTNT](#) ngày 06/5/2024 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số [23/2018/TT-BNNPTNT](#) ngày 15/11/2018 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định về đăng kiểm viên tàu cá; công nhận cơ sở đăng kiểm tàu cá; bảo đảm an toàn kỹ thuật tàu cá, tàu kiểm ngư; đăng ký tàu cá, tàu công vụ thủy sản; xóa đăng ký tàu cá và đánh dấu tàu cá.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Bãi bỏ mục 1, điểm B Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định số [676/QĐ-BNN-TCTS](#) ngày 18/02/2022 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc công bố thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung lĩnh vực thủy sản thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

Điều 3. Chánh Văn phòng Bộ, Vụ trưởng Vụ Pháp chế, Cục trưởng Cục Thủy sản, Thủ trưởng các Vụ, Cục, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ trưởng (để b/c);
- Văn phòng Chính phủ (Cục KSTTHC);
- UBND các tỉnh, TP trực thuộc TW;
- Văn phòng Bộ (Phòng KSTTHC);
- Trung tâm Chuyển đổi số và TK nông nghiệp;
- Báo Nông nghiệp Việt Nam;
- Lưu: VT, TS.

Phùng Đức Tiến

PHỤ LỤC

THỦ TỤC HÀNH CHÍNH ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG LĨNH VỰC THUỶ SẢN THUỘC PHẠM VI CHỨC NĂNG QUẢN LÝ CỦA BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN

(Ban hành kèm theo Quyết định số [1283/QĐ-BNN-TS](#) ngày [08](#) tháng [05](#) năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và PTNT)

PHẦN I. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP TỈNH

TT	Số hồ sơ TTHC	Tên thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung	Tên VBQPPL quy định nội dung sửa đổi, bổ sung, thay thế	Lĩnh vực	Cơ quan thực hiện
1	1.003650	Cấp Giấy chứng nhận đăng ký tàu cá	Thông tư số 06/2024/TT-BNNPTNT ngày 06/5/2024	Thủy sản	Cơ quan quản lý nhà nước về thủy sản cấp tỉnh

PHẦN II. NỘI DUNG CỤ THỂ CỦA THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THUỘC PHẠM VI CHỨC NĂNG QUẢN LÝ CỦA BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT

TRIỂN NÔNG THÔN

Tên thủ tục: Cấp Giấy chứng nhận đăng ký tàu cá (Mã TTHC: 1.003650).

1. Trình tự thực hiện:

- a) Tổ chức, cá nhân nộp 01 bộ hồ sơ đến Cơ quan quản lý nhà nước về thủy sản cấp tỉnh;
- b) Trường hợp nộp hồ sơ trực tiếp: Cơ quan quản lý nhà nước về thủy sản cấp tỉnh kiểm tra thành phần hồ sơ và trả lời ngay khi tổ chức, cá nhân đến nộp hồ sơ;
- c) Trường hợp nộp hồ sơ qua dịch vụ bưu chính hoặc qua môi trường mạng: Trong thời hạn không quá 02 ngày làm việc, Cơ quan quản lý nhà nước về thủy sản cấp tỉnh xem xét tính đầy đủ, nếu hồ sơ chưa đầy đủ theo quy định, Cơ quan quản lý nhà nước về thủy sản cấp tỉnh có văn bản thông báo cho tổ chức, cá nhân bổ sung;
- d) Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ theo quy định, Cơ quan quản lý nhà nước về thủy sản cấp tỉnh có trách nhiệm làm thủ tục đăng ký, vào Sổ đăng ký tàu cá và cấp Giấy chứng nhận đăng ký tàu cá theo Mẫu số 05.ĐKT Phụ lục XVI ban hành kèm theo Thông tư số [01/2022/TT-BNNPTNT](#) và cấp Sổ danh bạ thuyền viên tàu cá theo Mẫu số 06.ĐKT Phụ lục XVI ban hành kèm theo Thông tư số [01/2022/TT-BNNPTNT](#); Trường hợp không cấp Giấy chứng nhận đăng ký tàu cá Cơ quan quản lý nhà nước về thủy sản cấp tỉnh trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do;
- đ) Cơ quan quản lý nhà nước về thủy sản cấp tỉnh trả kết quả trực tiếp tại nơi nhận hồ sơ hoặc gửi qua dịch vụ bưu chính hoặc qua môi trường mạng (nếu có).

2. Cách thức thực hiện: Trực tiếp tại Cơ quan quản lý nhà nước về thủy sản cấp tỉnh hoặc gửi qua dịch vụ bưu chính hoặc qua môi trường mạng (cơ chế một cửa quốc gia, dịch vụ công trực tuyến, phần mềm điện tử, email, fax), nếu có.

3. Thành phần, số lượng hồ sơ: Tổ chức, cá nhân nộp 01 bộ hồ sơ, bao gồm

3.1) Hồ sơ đối với tàu đóng mới gồm:

- a) Tờ khai đăng ký tàu cá theo Mẫu số 02.ĐKT Phụ lục XVI ban hành kèm theo Thông tư số [01/2022/TT-BNNPTNT](#);
- b) Bản chính Giấy chứng nhận xuất xưởng do chủ cơ sở đóng tàu cấp theo Mẫu số 03.ĐKT Phụ lục XVI ban hành kèm theo Thông tư số [01/2022/TT-BNNPTNT](#);
- c) Bản chính văn bản chấp thuận đóng mới đối với tàu cá;
- d) Bản chính biên lai nộp thuế trước bạ của tàu hoặc bản chính Tờ khai lệ phí trước bạ của tàu có xác nhận của cơ quan thuế;
- đ) Ảnh màu (9 x 12 cm, chụp toàn tàu theo hướng 2 bên mạn tàu);
- e) Bản sao chụp Giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật của tàu cá có chiều dài lớn nhất từ 12 mét trở lên.

3.2) Hồ sơ đối với tàu cải hoán gồm:

- a) Tờ khai đăng ký tàu cá theo Mẫu số 02.ĐKT Phụ lục XVI ban hành kèm theo Thông tư số [01/2022/TT-BNNPTNT](#);
- b) Bản chính biên lai nộp thuế trước bạ của tàu hoặc bản chính Tờ khai lệ phí trước bạ của tàu có xác nhận của cơ quan thuế;
- c) Ảnh màu (9 x 12 cm, chụp toàn tàu theo hướng 2 bên mạn tàu);
- d) Bản sao có chứng thực Giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật của tàu (đối với tàu có chiều dài lớn nhất từ 12 mét trở lên).
- đ) Bản chính Giấy chứng nhận cải hoán, sửa chữa tàu theo Mẫu số 04.ĐKT Phụ lục XVI ban hành kèm theo Thông tư số [01/2022/TT-BNNPTNT](#);
- e) Bản chính Giấy chứng nhận đăng ký cũ;
- g) Văn bản chấp thuận cải hoán của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

3.3) Hồ sơ đối với tàu được mua bán, tặng cho gồm:

- a) Tờ khai đăng ký tàu cá theo Mẫu số 02.ĐKT Phụ lục XVI ban hành kèm theo Thông tư số [01/2022/TT-BNNPTNT](#);
- b) Bản chính biên lai nộp thuế trước bạ của tàu hoặc bản chính Tờ khai lệ phí trước bạ của tàu có xác nhận của cơ quan thuế;
- c) Ảnh màu (9 x 12 cm, chụp toàn tàu theo hướng 2 bên mạn tàu);
- d) Bản sao có chứng thực Giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật của tàu (đối với tàu có chiều dài lớn nhất từ 12 mét trở lên).

đ) Bản chính Giấy tờ chuyển nhượng quyền sở hữu tàu theo quy định;

e) Văn bản chấp thuận mua, bán tàu cá của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, trừ trường hợp tàu cá mua bán trong tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;

g) Bản chính Giấy chứng nhận đăng ký tàu cá cũ kèm theo hồ sơ đăng ký gốc của tàu;

h) Bản chính Giấy chứng nhận xóa đăng ký.

3.4) Hồ sơ đối với tàu nhập khẩu gồm:

a) Tờ khai đăng ký tàu cá theo Mẫu số 02.ĐKT Phụ lục XVI ban hành kèm theo Thông tư số [01/2022/TT-BNNPTNT](#);

b) Bản chính biên lai nộp thuế trước bạ của tàu hoặc bản chính Tờ khai lệ phí trước bạ của tàu có xác nhận của cơ quan thuế;

c) Ảnh màu (9 x 12 cm, chụp toàn tàu theo hướng 2 bên mạn tàu);

d) Bản sao có chứng thực Giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật của tàu (đối với tàu có chiều dài lớn nhất từ 12 mét trở lên).

đ) Bản sao có chứng thực văn bản cho phép nhập khẩu tàu cá của cơ quan có thẩm quyền;

e) Bản chính Giấy chứng nhận xóa đăng ký kèm theo bản sao có chứng thực bản dịch tiếng Việt đối với tàu cá đã qua sử dụng;

g) Bản sao có chứng thực Tờ khai Hải quan có xác nhận đã hoàn thành thủ tục hải quan;

h) Bản sao có chứng thực Biên lai nộp các khoản thuế theo quy định của pháp luật Việt Nam.

3.5) Hồ sơ đối với tàu thuộc diện thuê tàu trần gồm:

a) Tờ khai đăng ký tàu cá theo Mẫu số 02.ĐKT Phụ lục XVI ban hành kèm theo Thông tư số [01/2022/TT-BNNPTNT](#);

b) Bản chính biên lai nộp thuế trước bạ của tàu hoặc bản chính Tờ khai lệ phí trước bạ của tàu có xác nhận của cơ quan thuế;

c) Ảnh màu (9 x 12 cm, chụp toàn tàu theo hướng 2 bên mạn tàu);

d) Bản sao có chứng thực Giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật của tàu (đối với tàu có chiều dài lớn nhất từ 12 mét trở lên).

đ) Bản chính Giấy chứng nhận xóa đăng ký kèm theo bản sao có chứng thực bản dịch tiếng Việt đối với tàu cá đã qua sử dụng;

e) Bản chụp có chứng thực Tờ khai Hải quan có xác nhận đã hoàn thành thủ tục hải quan;

g) Bản sao có chứng thực Biên lai nộp các khoản thuế theo quy định của pháp luật Việt Nam.

h) Bản chính văn bản chấp thuận cho thuê tàu trần do cơ quan nhà nước Việt Nam có thẩm quyền cấp;

i) Bản chính hợp đồng thuê tàu trần.

3.6) Hồ sơ đối với tàu cá đã được Ủy ban nhân dân cấp tỉnh công bố danh sách tàu cá đã được đóng mới, cải hoán, mua bán, tặng cho không đủ thành phần hồ sơ theo quy định tại khoản 2, khoản 3, khoản 4, khoản 6 Điều 21 Thông tư số [23/2018/TT-BNNPTNT](#) (đã được sửa đổi, bổ sung tại Thông tư số [01/2022/TT-BNNPTNT](#)), gồm:

a) Tờ khai đăng ký tàu cá có xác nhận của Ủy ban nhân dân cấp xã nơi chủ tàu đăng ký hộ khẩu thường trú theo Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư số [06/2024/TT-BNNPTNT](#);

b) Bản sao chụp Giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật của tàu cá có chiều dài lớn nhất từ 12m trở lên;

c) Bản chính Thông báo nộp lệ phí trước bạ của tàu;

d) Ảnh màu (9cm x 12cm chụp toàn tàu theo hướng 2 bên mạn tàu).

đ) Giấy tờ mua bán theo quy định của pháp luật (nếu có);

e) Bản chính Giấy chứng nhận đăng ký tàu cá cũ (đối với trường hợp cải hoán, mua bán, tặng cho) (nếu có);

g) Bản chính giấy chứng nhận xóa đăng ký đối với trường hợp mua bán, tặng cho hoặc chuyển tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (nếu có);

h) Các giấy tờ hợp pháp khác (nếu có).

(Thời gian tiếp nhận hồ sơ đối với các tàu cá trong trường hợp này đến hết ngày 31/12/2024) .

4. Thời hạn giải quyết: 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ theo quy định.

5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức, cá nhân đề nghị

6. Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính: Cơ quan quản lý nhà nước và thủy sản cấp tỉnh.

7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Giấy chứng nhận đăng ký tàu cá theo Mẫu số 05.ĐKT Phụ lục XVI ban hành kèm theo Thông tư số [01/2022/TT-BNNPTNT](#) và cấp Sổ danh bạ thuyền viên tàu cá theo Mẫu số 06.ĐKT Phụ lục XVI ban hành kèm theo Thông tư số [01/2022/TT-BNNPTNT](#).

8. Phí, lệ phí (nếu có): Chưa có văn bản quy định.

9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

a) Tờ khai đăng ký tàu cá theo Mẫu số 02.ĐKT Phụ lục XVI ban hành kèm theo Thông tư số [01/2022/TT-BNNPTNT](#);

b) Bản chính Giấy chứng nhận xuất xưởng do chủ cơ sở đóng tàu cấp theo Mẫu số 03.ĐKT Phụ lục XVI ban hành kèm theo Thông tư số [01/2022/TT-BNNPTNT](#);

c) Bản chính Giấy chứng nhận cải hoán, sửa chữa tàu theo Mẫu số 04.ĐKT Phụ lục XVI ban hành kèm theo Thông tư số [01/2022/TT-BNNPTNT](#);

d) Tờ khai đăng ký tàu cá có xác nhận của Ủy ban nhân dân cấp xã nơi chủ tàu đăng ký hộ khẩu thường trú theo Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư số [06/2024/TT-BNNPTNT](#);

10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có):

Khoản 3 Điều 71 [Luật Thủy sản năm 2017](#) quy định:

3. Tàu cá được cấp Giấy chứng nhận đăng ký tàu cá khi đáp ứng các điều kiện sau đây:

a) Có giấy tờ chứng minh về sở hữu hợp pháp tàu cá;

b) Có Giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật tàu cá đối với tàu cá quy định phải đăng kiểm;

c) Có giấy chứng nhận tạm ngừng đăng ký tàu cá đối với trường hợp thuê tàu trần; giấy chứng nhận xóa đăng ký tàu cá đối với trường hợp nhập khẩu, mua bán, tặng cho hoặc chuyển tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;

d) Chủ tàu cá có trụ sở hoặc nơi đăng ký thường trú tại Việt Nam.

11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- [Luật Thủy sản năm 2017](#);

- Thông tư số [23/2018/TT-BNNPTNT](#) ngày 15/11/2018 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định về đăng kiểm viên tàu cá; công nhận cơ sở đăng kiểm tàu cá; bảo đảm an toàn kỹ thuật tàu cá, tàu kiểm ngư; đăng ký tàu cá, tàu công vụ thủy sản; xóa đăng ký tàu cá và đánh dấu tàu cá;

- Thông tư số [01/2022/TT-BNNPTNT](#) ngày 18/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn sửa đổi, bổ sung một số Thông tư trong lĩnh vực thủy sản;

- Thông tư số [06/2024/TT-BNNPTNT](#) ngày 06/5/2024 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn sửa đổi, bổ sung Thông tư số [23/2018/TT-BNNPTNT](#) ngày 15/11/2018 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định về đăng kiểm viên tàu cá; công nhận cơ sở đăng kiểm tàu cá; bảo đảm an toàn kỹ thuật tàu cá, tàu kiểm ngư; đăng ký tàu cá, tàu công vụ thủy sản; xóa đăng ký tàu cá và đánh dấu tàu cá.

Mẫu số 02.ĐKT-Thông tư số [01/2022/TT-BNNPTNT](#)

MẪU TỜ KHAI ĐĂNG KÝ TÀU CÁ, TÀU CÔNG VỤ THỦY SẢN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày..... tháng..... năm.....

TỜ KHAI ĐĂNG KÝ TÀU CÁ/ TÀU CÔNG VỤ THỦY SẢN(*)

Kính gửi:

Chứng minh nhân dân/căn cước công dân số:.....

Đề nghị cấp Giấy chứng nhận đăng ký tàu cá với nội dung sau:

1. Đặc điểm cơ bản của tàu như sau:

- Tên tàu:
- Công dụng (nghề chính⁽²⁾):.....Nghề phụ⁽²⁾:.....
- Cảng cá đăng ký cập tàu:
- Thông số cơ bản của tàu:
 - + Chiều dài lớn nhất (L_{max} , m):.....
 - + Chiều rộng lớn nhất (B_{max} , m):.....
 - + Chiều cao mạn (D, m):.....
- Vật liệu vỏ:
- Máy chính:

TT	Hãng/nước sản xuất	Ký hiệu máy	Số máy	Công suất định mức, kW	Vòng quay định mức, rpm

2. Nguồn gốc tàu

a) Tàu được đóng mới, cải hoán tại⁽³⁾/mua bán, tặng cho từ⁽⁴⁾:

.....

- Địa chỉ:

- Số CCCD/CMND:

- Năm đóng mới/cải hoán/mua bán, tặng cho:

b) Tàu thuộc sở hữu của⁽⁵⁾:

TT	Họ và tên	Địa chỉ	Chứng minh nhân dân/căn cước công dân

c) Hồ sơ kèm theo (nếu có), gồm:

- Giấy tờ mua bán theo quy định của pháp luật.

- Bản chính Giấy chứng nhận đăng ký tàu cá cũ (đối với trường hợp cải hoán, mua bán, tặng cho).

- Bản chính giấy chứng nhận xóa đăng ký tàu cá đối với trường hợp mua bán, tặng cho hoặc chuyển tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

- Các giấy tờ hợp pháp khác

.....

.....

.....

3. Tôi xin cam đoan và chịu trách nhiệm trước pháp luật về những nội dung sau:

a) Tàu cá thuộc sở hữu hợp pháp của chủ tàu có tên tại mục 2.b nêu trên.

b) Tàu cá không có tranh chấp với bất cứ tổ chức cá nhân nào về quyền sở hữu.

c) Chấp hành đúng các quy định của pháp luật về khai thác, bảo vệ nguồn lợi thủy sản./.

XÁC NHẬN CỦA
ỦY BAN NHÂN DÂN CẤP XÃ(6)
(Ký tên, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

CHỦ TÀU/
ĐẠI DIỆN CHỦ TÀU
(ký, ghi rõ họ tên)

¹ Trong danh sách được Ủy ban nhân dân cấp tỉnh công bố.

² Không thuộc danh mục nghề cấm theo quy định tại Phụ lục II Thông tư số [01/2022/TT-BNNPTNT](#) ngày 18/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn sửa đổi, bổ sung một số Thông tư trong lĩnh vực thủy sản.

³ Ghi tên, địa chỉ cơ sở đóng mới, sửa chữa, cải hoán tàu cá.

⁴ Ghi rõ tên, địa chỉ, thông tin của tổ chức, cá nhân bán, tặng, cho tàu.

⁵ Ghi rõ họ tên, địa chỉ của từng chủ sở hữu, nếu tàu thuộc sở hữu nhiều chủ.

⁶ Xác nhận đối với cam kết tại điểm b, Mục 3 Tờ khai đăng ký tàu cá.

Mẫu số 03.ĐKT-Thông tư số [01/2022/TT-BNNPTNT](#)

MẪU GIẤY CHỨNG NHẬN XUẤT XƯỜNG

CƠ SỞ ĐÓNG TÀU

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /GCNXX

....., ngày...tháng ... năm 20..

GIẤY CHỨNG NHẬN XUẤT XƯỜNG

Tên sản phẩm:.....

Nơi đóng:.....

Địa chỉ:.....

Năm đóng:.....

Ký hiệu thiết kế:.....

Đơn vị thiết kế thiết kế:.....

Cơ sở đăng kiểm:

Thông số cơ bản của tàu: Lmax=.....; Bmax=.....; D=.....

Ltk =.....; Btk...=.....; d=.....

Vật liệu vỏ:.....; cấp tàu:.....

Công dụng (nghề):

Máy chính:

TT	Ký hiệu máy	Số máy	Công suất (kW)	Năm chế tạo	Nơi chế tạo

Đã hoàn thành việc đóng mới, đủ điều kiện xuất xưởng./.

CƠ SỞ ĐÓNG TÀU

Mẫu số 04.ĐKT-Thông tư số [01/2022/TT-BNNPTNT](#)

MẪU GIẤY CHỨNG NHẬN CẢI HOÁN, SỬA CHỮA TÀU

CƠ SỞ ĐÓNG TÀU

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /GCNXX

....., ngày...tháng...năm...

GIẤY CHỨNG NHẬN CẢI HOÁN, SỬA CHỮA TÀU

Tên sản phẩm:.....

Nơi cải hoán, sửa chữa:.....

Địa chỉ:.....

Thời gian thực hiện: từ ngày ... tháng ... năm.. đến ngày ... tháng ...năm...

Ký hiệu thiết kế:.....

Đơn vị thiết kế:.....

Cơ sở đăng kiểm phê duyệt thiết kế:

Thông số cơ bản trước cải hoán/sửa chữa (m):

Lmax=.....; Bmax=.....;

D=..... Ltk =.....; Btk...=.....; d=.....

Vật liệu vỏ:....., Cáp tàu:.....

Công dụng (nghề):

Máy chính:

TT	Ký hiệu máy	Số máy	Công suất (kW)	Năm chế tạo	Nơi chế tạo

Thông số cơ bản sau cải hoán/ sửa chữa (m):

Lmax=.....; Bmax=.....;

D=..... Ltk =.....; Btk...=.....; d=.....

Vật liệu vỏ:....., Cáp tàu:.....

Công dụng (nghề):

Máy chính:

TT	Ký hiệu máy	Số máy	Công suất (kW)	Năm chế tạo	Nơi chế tạo

Đã hoàn thành việc cải hoán/ sửa chữa, đủ điều kiện xuất xưởng./.

CƠ SỞ ĐÓNG TÀU

Mẫu số 05.ĐKT-Thông tư số [01/2022/TT-BNNPTNT](#)

MẪU GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ TÀU CÁ/TÀU CÔNG VỤ THỦY SẢN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM
Independence - Freedom - Happiness

N⁰



GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ TÀU CÁ/TÀU CÔNG VỤ THỦY SẢN^(*)
REGISTRATION CERTIFICATE OF FISHING VESSEL/SHIPS DUTY FISHERIES^(*)
.....^(**).....

Chứng nhận tàu cá/tàu công vụ thủy sản^(*) có các thông số dưới đây đã được đăng ký vào Sổ Đăng ký tàu cá Việt Nam:
Hereby certifies that the fishing vessel/ship duty fisheries^() with the following specifications has been registered into The Vietnam National Vessel Registration Book:*

Tên tàu:
Name of Vessel

Hồ hiệu:
Signal Letters

Chủ tàu:
Vessel owner

Nơi thường trú:
Residential Address

Kiểu tàu:
Type of Vessel

Công dụng (nghề):
Used for (fishing gear)

Tổng dung tích, GT:
Gross Tonnage

Trọng tải toàn phần: tấn
Dead weight

Chiều dài L_{max}, m:
Length overal

Chiều rộng B_{max}, m:
Breadth overal

Chiều dài thiết kế L_{tk}, m:
Length

Chiều rộng thiết kế B_{tk}, m:
Breadth

Chiều cao mạn D, m:
Draught

Chiều chìm d, m:
Depth

Vật liệu vỏ:
Materials

Tốc độ tự do hl/h:
Speed

Năm và nơi đóng:
Year and Place of Build

Số lượng máy:
Number of Engines

Tổng công suất (kW):
Total power

Ký hiệu máy
Type of machine

Số máy
Number engines

Công suất (kW)
Power

Năm và nơi chế tạo
Year and place of manufacture

Cảng đăng ký:
Port Registry

Cơ sở đăng kiểm tàu cá:
Register of Vessels

Số đăng ký:
Number or registry

Giấy chứng nhận này có hiệu lực đến^(***):
.....
This certificate is valid until

Cấp tại ..., ngày ...tháng...năm.....
Issued at... Date

THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN ĐĂNG KÝ TÀU

THÔNG TIN VỀ CHỦ SỞ HỮU TÀU^(*)**

TT	Họ và tên	Địa chỉ	Chứng minh nhân dân/căn cước công dân	Tỷ lệ cổ phần (%)

Ghi chú (note):

(*) Xóa bỏ chỗ không phù hợp (Remove the wrong place).

(**) Cơ quan quản lý thủy sản của tỉnh là Chi cục Thủy sản (the provincial fisheries management agency is the Sub-department of Fisheries); Cơ quan quản lý thủy sản trung ương là Cục Thủy sản (the central fisheries management agency is the Department of Fisheries).


(***) Ghi thời hạn theo thời hạn thuê tàu trần đối với trường hợp thuê tàu trần, không thời hạn đối với các trường hợp khác.

(****) Đối với trường hợp tàu thuộc sở hữu nhiều chủ.

Mẫu số 06.ĐKT-Thông tư số [01/2022/TT-BNNPTNT](#)

MẪU SỔ DANH BẠ THUYỀN VIÊN TÀU CÁ

1. Mặt ngoài của trang bìa

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc	
	
SỔ DANH BẠ THUYỀN VIÊN TÀU CÁ	
Số đăng ký:	
Chủ tàu:.....	
Số sổ:.....	Năm

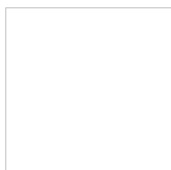
Quy cách sổ:

- Kích thước: A5 (14,8 x 21) mm;

- Bìa nền màu đỏ, các trang nền màu trắng.

2. Trang 1

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc



SỔ DANH BẠ
THUYỀN VIÊN TÀU CÁ

Tên tàu cá:

Số đăng ký:

Chiều dài tàu:

Nơi đăng ký:

Chủ tàu cá:

Nơi thường trú:

Sổ danh bạ này gồm 60 trang,
được đánh số thứ tự từ 01 đến 60

.....Ngày tháng..... năm.....
CHI CỤC THỦY SẢN
(Ký tên, đóng dấu)

Năm

3. Trang 2

DANH SÁCH ĐĂNG KÝ THUYỀN VIÊN TÀU CÁ

TT	Họ và tên	Số CMND/CCCD; Ngày cấp, nơi cấp	Chức danh	Số văn bằng/chứng chỉ	Ghi chú
1					
2					
3					
4					
5					
6					
...					
...					

CHỦ TÀU/THUYỀN TRƯỞNG
(Ký, ghi rõ họ tên)

.....Ngày tháng..... năm.....
XÁC NHẬN CỦA CHI CỤC THỦY SẢN
(Ký tên, đóng dấu)

4. Trang 3 đến trang 18

THAY ĐỔI, BỔ SUNG DANH SÁCH THUYỀN VIÊN TÀU CÁ

TT	Thuyền viên được thay		Thuyền viên mới			Ghi chú
	Họ và tên	Chức danh	Họ và tên	Số CMND/CCCD; ngày cấp, nơi cấp	Số văn bằng, chứng chỉ	

1						
2						
3						
4						
5						
6						
....						
....						

CHỦ TÀU/THUYỀN TRƯỞNG
(Ký, ghi rõ họ tên)

.....Ngày tháng.....năm.....
XÁC NHẬN CỦA BỘ ĐỘI BIÊN PHÒNG
(Ký tên, đóng dấu)

5. Trang 19 đến trang 60:

CHỨNG THỰC CỦA CƠ QUAN KIỂM TRA, KIỂM SOÁT

Rời cảng	Xuất bến
Kiểm tra, kiểm soát của Tổ chức quản lý cảng cá Ngày... ..tháng... năm..... Nội dung:..... Nhận xét:..... <div style="text-align: right;">Tổ chức quản lý cảng cá (Ký, đóng dấu)</div>	Kiểm tra, kiểm soát của Trạm kiểm soát Biên phòng: Ngày.....tháng...năm..... Gồm:.....người (...Nam,...Nữ) Nhận xét:..... <div style="text-align: right;">Trạm Kiểm soát Biên phòng (Ký, đóng dấu)</div>
Cấp cảng	Nhập bến
Kiểm tra, kiểm soát của Tổ chức quản lý cảng cá Ngày... ..tháng... năm..... Nội dung:..... Nhận xét:..... <div style="text-align: right;">Tổ chức quản lý cảng cá (Ký, đóng dấu)</div>	Kiểm tra, kiểm soát của Trạm kiểm soát Biên phòng: Ngày.....tháng...năm..... Gồm:.....người (...Nam,...Nữ) Nhận xét:..... <div style="text-align: right;">Trạm Kiểm soát Biên phòng (Ký, đóng dấu)</div>